TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 24- 7- 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đời.

2. Bà Dương Thị Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Mỹ Thương – Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2024/QĐST- HPT ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà **Mai Thị Kim A**, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ 45 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị đơn**: Ông **Ngô Văn S**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ 45 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị Kim A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xây dựng gia đình với ông Ngô Văn S vào năm 2008, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẩn và kéo dài cho đến nay, nguyên nhân theo bà A trình bày là do ông S không có trách nhiệm với gia đình và con cái, đồ đạc trong nhà như laptop của con học, xe máy, điện thoại ông mang đi cầm để đánh cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau làm cho các con hoang mang lo sợ. Ông cũng đã từng bị xử phạt tù về tội đánh bạc nhưng ông vẫn không thay đổi. Mâu thuẩn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẩn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà xác định mâu thuẩn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả, vì vậy bà xin được ly hôn với ông Ngô Văn S.

- Về nuôi con chung: Bà Mai Thị Kim A xác định có ba con chung là Ngô Kỳ D, sinh ngày 24/4/2009; Ngô Kỳ P, sinh ngày 10/10/2013; Ngô Kỳ A, sinh ngày 31/10/2019. Tại phiên tòa bà A có nguyện vọng xin được nuôi cả ba người con chung và yêu cầu ông Ngô Văn S cấp dưỡng nuôi hai con Ngô Kỳ P và Ngô Kỳ A mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Mai Thị Kim A xác định vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Mai Thị Kim A xác định vợ chồng không có nợ chung.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Ngô Văn S đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án ly hôn nhưng ông Ngô Văn S không đến Tòa án nên không ghi được lời trình bày.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Mai Thị Kim A đối với ông Ngô Văn S. Đề nghị HĐXX xử cho bà Mai Thị Kim A được ly hôn với ông Ngô Văn S.

- Về quan hệ con chung: Giao cả ba con chung là Ngô Kỳ D, sinh ngày 24/4/2009; Ngô Kỳ P, sinh ngày 10/10/2013; Ngô Kỳ A, sinh ngày 31/10/2019 cho bà Mai Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Buộc ông Ngô Văn S cấp dưỡng nuôi hai con Ngô Kỳ P và Ngô Kỳ A mỗi tháng 3.000.000đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn đang cư trú tại tổ 45 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét vử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Nguyên đơn và bị đơn xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do bị đơn không có trách nhiệm với gia đình và con cái, đồ đạc trong nhà như laptop của con học, xe máy, điện thoại bị đơn mang đi cầm để đánh cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cải vã, xích nhau nhau làm cho các con hoang mang lo sợ. Bị đơn cũng đã từng bị xử phạt tù về tội đánh bạc nhưng bị đơn vẫn không thay đổi Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên nguyện vọng của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn. Còn bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần để hoà giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn không chấp hành. Điều này thể hiện bị đơn vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân bị đơn không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với nguyên đơn nữa, mặt khác mâu thuẩn vợ chồng cũng phù hợp với các thông tin mà chính quyền địa phương nơi ông, bà đang cư trú cung cấp. Điều đó chứng tỏ mâu thuẩn vợ chồng ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về nuôi con chung: Con chung giữa nguyên đơn và bị đơn có 03 người là Ngô Kỳ D, sinh ngày 24/4/2009; Ngô Kỳ P, sinh ngày 10/10/2013; Ngô Kỳ A, sinh ngày 31/10/2019. Tại phiên tòa nguyên đơn có nguyện vọng xin được nuôi cả ba người con và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi hai con Ngô Kỳ P và Ngô Kỳ A mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xin được nuôi cả ba con chung thì thấy hiện nay ba người con nhỏ đang được nguyên đơn nuôi dưỡng và phát triển tốt, bị đơn vắng mặt nên không biết nguyện vọng của bị đơn như thế nào về nuôi con chung, ba con nhỏ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ vì vậy HĐXX thấy rằng không cần thiết phải xáo trộn cuộc sống của các con mà nên tiếp tục giao cả ba con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với cuộc sống hiện tại của con cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi hai con Ngô Kỳ P và Ngô Kỳ A mỗi tháng 3.000.000đồng của nguyên đơn thì thấy rằng việc làm cha, làm mẹ ai cũng phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với con chung, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho bên nhận nuôi con, tuy nhiên cũng tuỳ thuộc vào khả năng điều kiện công việc, kinh tế của bên cấp dưỡng. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000đồng là chính đáng, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX thấy cần buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000đồng là phù hợp.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bị đơn vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung và nợ chung của vợ chồng là có hay không, do đó HĐXX thấy cần phải tách phần tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì Toà án có thẩm quyền sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[9] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. **Á**n phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con định kỳ 300.000đồng bị đơn phải chịu

[10] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ‘Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” của nguyên đơn bà Mai Thị Kim A đối với bị đơn ông Ngô Văn S.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mai Thị Kim A được ly hôn với ông Ngô Văn S (Giấy chứng nhận kết hôn số 138, quyển số 01 ngày 11/7/2008, tại Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

2. Về quan hệ con chung:

Giao cả ba con chung Ngô Kỳ D, sinh ngày 24/4/2009; Ngô Kỳ P, sinh ngày 10/10/2013; Ngô Kỳ A, sinh ngày 31/10/2019 cho bà Mai Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Buộc ông Ngô Văn S cấp dưỡng nuôi hai con Ngô Kỳ P và Ngô Kỳ A mỗi tháng 3.000.000đồng (Ba triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 7/2024 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đồng nguyên đơn bà Mai Thị Kim A phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng biên lai thu số 0001967 ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con định kỳ 300.000đồng bị đơn ông Ngô Văn S phải chịu

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thy Tuyết